

Vinh Long, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Số: 66/2025/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 11 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 47/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:
Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1951.
Địa chỉ: ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim A là bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khóm H, Phường N, tỉnh Vĩnh Long.
Bị đơn: Bà Đỗ Thị R, sinh năm 1952.
Địa chỉ: ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long.
Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956.
Địa chỉ: ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1/ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1952.
Cùng địa chỉ: ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long
2/ Ông Trịnh Văn K, sinh năm 1961.
3/ Bà Nguyễn Thị Kim E, sinh năm 1968.
4/ Bà Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1985.
5/ Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1956.
6/ Bà Trịnh Thị R1, sinh năm 1969.
Cùng địa chỉ: ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long
7/ Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1975.
8/ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1971.
Cùng địa chỉ: ấp Rạch Ngựa, xã Long Hòa, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông C và ông N, bà R thống nhất để cho bà Nguyễn Thị Kim A hưởng diện tích đất 4.586m² (Phần F và phần H của sơ đồ khu đất) thuộc thửa 257 tờ bản đồ số 7 tại ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long đất do ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị G; Cùng địa chỉ: ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị G thống nhất sự tự nguyện của ông C, ông N và bà R với bà Kim A đối với thửa đất 257 tờ bản đồ số 7 tại ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long, ông, bà không có tranh chấp gì mà thống nhất để cho bà Kim A đứng tên thửa đất này.

Bà Kim A thống nhất giao cho ông Nguyễn Văn C hưởng diện tích đất 5.048m² (Phần A và Phần E của sơ đồ khu đất) thuộc thửa 183 tờ bản đồ số 7 tại ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

Bà Kim A, ông C thống nhất để cho ông N, bà R hưởng diện tích đất 5.471m² (Phần B và Phần K của sơ đồ khu đất) thửa 183 tờ bản đồ số 7 tại ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo sơ đồ khu đất của Văn phòng đăng ký đất Chi nhánh huyện C theo Công văn số 425/CNHCT, ngày 18 tháng 8 năm 2021)

Các bên đương sự được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp lại quyền sử dụng đất theo diện tích được công nhận nêu trên.

Ông N và bà R tự nguyện giao lại cho bà Kim A số tiền là 123.900.000đồng *(Một trăm hai mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng)* tương đương với diện tích đất 885m² thửa 183 tờ bản đồ số 7 tại ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long là phần chênh lệch diện tích đất mà bên ông N, bà R được hưởng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Văn C; ông Nguyễn Văn N và bà Đỗ Thị R không phải nộp án phí. Do các đương sự thuộc diện được miễn án phí (Người cao tuổi) và các ông, bà có đơn xin miễn nộp án phí phù hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên chấp nhận cho bà Kim A, ông C, ông N và bà R được miễn án phí.

Về lệ phí thẩm định, định giá và cung cấp thông tin: Tổng số tiền đã chi là 23.013.000đồng *(Hai mươi ba triệu không trăm mười ba nghìn đồng)*.

Các bên tự nguyện thỏa thuận chịu như sau: Bà Nguyễn Thị Kim A, ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn N mỗi bên tự nguyện chịu số tiền là 7.671.000đồng *(Bảy triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn đồng)*, số tiền này các đương sự đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 10 – Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Liên